

**Câu 1 (6,0 điểm)**

a) Phân tích sự thay đổi thời gian chiếu sáng theo vĩ độ vào ngày 22 tháng 12. Giải thích tại sao vào ngày xuân phân và thu phân, ở mọi địa điểm trên Trái Đất có thời gian ngày, đêm dài bằng nhau.

b) Phân tích sự khác nhau về chế độ nhiệt ở xích đạo và chí tuyến. Giải thích tại sao bán cầu Bắc có nhiệt độ trung bình năm cao hơn bán cầu Nam.

**Câu 2 (5,0 điểm)**

a) Phân tích tác động của sự phân bố khí áp đến sự phân bố mưa trên Trái Đất. Trình bày nguyên nhân hình thành các vành đai khí áp trên Trái Đất.

b) Tại sao chế độ nước của sông trên Trái Đất có sự khác nhau?

**Câu 3 (5,0 điểm)**

a) Chứng minh sự khác nhau về cơ sở thức ăn đã dẫn đến sự khác nhau trong cơ cấu vật nuôi và hình thức chăn nuôi. Trình bày những khó khăn của các nước đang phát triển để phát triển ngành chăn nuôi.

b) Phân tích sự khác nhau về tỉ lệ dân đô thị ở các nước phát triển và các nước đang phát triển. Giải thích tại sao tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở nhiều nước đang phát triển hiện nay vẫn còn cao.

**Câu 4 (4,0 điểm)**

Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2020**

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2000	2005	2010	2020
Tổng sản lượng	2250,9	3466,8	5142,7	8497,2
Khai thác	1660,9	1987,9	2414,4	3863,7
Nuôi trồng	590,0	1478,9	2728,3	4633,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

a) Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2020.

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn trên. Tại sao ngành nuôi trồng thủy sản trên thế giới ngày càng phát triển?

Hết

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh: ..... Hoàng Thị Thanh Thảo. Số báo danh: ..... 1778 .....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
ĐỊA LÍ 10

Môn:  
(Hướng dẫn chấm có 04 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Cán bộ chấm thi chấm đúng như hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Hướng dẫn chấm chủ yếu theo hướng "mở", chỉ nêu những ý chính, từ đó phát triển các ý cụ thể. Trong quá trình chấm cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.
- Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm của từng câu và của bài thi.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1			6,00
	a	Phân tích sự thay đổi thời gian chiếu sáng theo vĩ độ vào ngày 22 tháng 12. Giải thích tại sao vào ngày xuân phân và thu phân, ở mọi địa điểm trên Trái Đất có thời gian ngày, đêm dài bằng nhau?	3,00
		* Sự thay đổi thời gian chiếu sáng theo vĩ độ vào ngày 22 tháng 12	
		- Vào ngày 22/12, thời gian chiếu sáng trong ngày từ xích đạo về cực Bắc giảm dần, bán cầu Bắc có đêm dài nhất trong năm.	0,50
		- Thời gian chiếu sáng trong ngày từ xích đạo về cực Nam tăng dần, bán cầu Nam có ngày dài nhất trong năm.	0,50
		* Giải thích	
		+ Trái Đất có dạng khối cầu, vừa chuyển động quay quanh Mặt Trời, vừa tự quay quanh trục tương tự nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo và không đổi phương.	0,50
		+ Ngày 22/12, bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời, Mặt Trời lên thiên đỉnh tại chí tuyến Nam, đường phân chia sáng tối nằm phía trước vòng cực Nam nên từ xích đạo về cực Nam, diện tích được chiếu sáng tăng dần, thời gian chiếu sáng tăng dần...	0,50
		+ Bán cầu Bắc chếch xa Mặt Trời, đường phân chia sáng tối nằm sau vòng cực Bắc, từ xích đạo về cực Bắc, diện tích được chiếu sáng ít dần, nên thời gian chiếu sáng trong ngày cũng giảm dần...	0,50
		* Vào xuân phân và thu phân, ở mọi địa điểm trên Trái Đất có thời gian ngày, đêm dài bằng nhau, vì:	
		Mặt Trời lên Thiên đỉnh tại xích đạo, vòng phân chia sáng tối trùng với mặt phẳng đi qua trục Trái Đất nên tất cả mọi địa điểm trên Trái Đất đều có thời gian được chiếu sáng và thời gian khuất trong bóng tối bằng nhau nên độ dài ngày, đêm bằng nhau...	0,50
	b	Phân tích sự khác nhau về chế độ nhiệt ở xích đạo và chí tuyến. Giải thích tại sao bán cầu Bắc có nhiệt độ trung bình năm cao hơn bán cầu Nam.	0,50
		* Sự khác nhau về chế độ nhiệt ở xích đạo và chí tuyến:	
		+ Nhiệt độ trung bình năm: Chí tuyến cao hơn xích đạo (dẫn chứng): do tính chất bề mặt đệm, khí áp, lượng mưa...	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tháng có nhiệt độ cao nhất: xích đạo thường vào tháng 4 và tháng 10 (sau thời gian Mặt Trời lên Thiên đỉnh, góc chiếu sáng lớn, tích lũy nhiệt nhiều), chí tuyến Bắc là tháng 7, chí tuyến Nam là tháng 1 (thời gian Mặt Trời lên Thiên đỉnh, thời gian chiếu sáng dài) (dẫn chứng)...</li> <li>+ Tháng có nhiệt độ thấp nhất: Xích đạo thường vào tháng 1 và tháng 7 (thời gian góc chiếu sáng nhỏ nhất trong năm), chí tuyến Bắc là tháng 1, chí tuyến Nam là tháng 7 (do góc chiếu sáng nhỏ, thời gian chiếu sáng ngắn (dẫn chứng))</li> <li>+ Biên độ nhiệt trung bình năm: chí tuyến cao hơn xích đạo (dẫn chứng) do ở chí tuyến sự chênh lệch về thời gian chiếu sáng và góc chiếu sáng giữa hai mùa lớn (dẫn chứng)</li> <li>+ Biến trình nhiệt: xích đạo có 2 cực đại do khoảng cách 2 lần Mặt Trời lên Thiên đỉnh cách xa nhau; chí tuyến có 1 cực đại do hai lần Mặt Trời lên Thiên đỉnh gần nhau hoặc chỉ có 1 lần Mặt Trời lên Thiên đỉnh (đường chí tuyến)</li> <li>* Giải thích tại bán cầu Bắc có nhiệt độ trung bình năm cao hơn bán cầu Nam</li> <li>- Thời gian mùa hè ở bán cầu Bắc dài hơn ở bán cầu Nam. Do từ 21/3 - 23/9 (mùa hạ ở bán cầu Bắc), Trái Đất chuyển động trên quỹ đạo có điểm viễn nhật mất 186 ngày. Từ 23/9 - 21/3 (mùa hạ của bán cầu Nam) Trái Đất chuyển động trên quỹ đạo có điểm cận nhật mất 179 ngày...</li> <li>- Bán cầu Bắc có diện tích lục địa lớn và mở rộng ở chí tuyến Bắc...</li> <li>- Cực Bắc là Bắc Băng Dương, cực Nam là Nam Cực (cực lạnh)...</li> </ul>	0,25
		0,50
		0,50
		0,50
		0,25
		0,25
2		5,00
a	<p><b>Phân tích tác động của sự phân bố khí áp đến sự phân bố mưa trên Trái Đất.</b>  <b>Trình bày nguyên nhân hình thành các vành đai khí áp trên Trái Đất.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Phân tích tác động của sự phân bố khí áp đến sự phân bố mưa trên Trái Đất</li> <li>- Phân bố mưa phù hợp với phân bố khí áp. Do khí áp tác động đến mưa: Áp thấp hút gió, đẩy không khí ẩm lên cao....., áp cao không khí ẩm không bốc lên được...</li> <li>- Theo vĩ độ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các đai khí áp: Áp thấp xích đạo, áp cao cận chí tuyến, áp thấp ôn đới, áp cao cực.</li> <li>+ Các vùng mưa: Xích đạo mưa rất nhiều, chí tuyến mưa ít, ôn đới mưa nhiều, cực mưa rất ít (dẫn chứng)</li> </ul> </li> <li>- Theo lục địa, đại dương (khu vực gió mùa): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khí áp: Lục địa có áp cao (mùa đông), áp thấp (mùa hạ); đại dương: ngược lại...</li> <li>+ Mưa: Lục địa mùa đông ít mưa, mùa hạ mưa nhiều hơn; đại dương: ngược lại...</li> </ul> </li> <li>* Giải thích nguyên nhân hình thành các vành đai khí áp.</li> <li>- Các đai khí áp hình thành do 2 nguyên nhân chính: nhiệt lực và động lực.</li> <li>- Ở xích đạo: không khí bị đốt nóng, loãng ra, nhẹ hơn nên thăng lên theo chiều thẳng đứng, hình thành áp thấp.</li> <li>- Không khí thăng lên đến tầng bình lưu thì chuyển động ngang về phía hai cực và bị lạnh đi, nặng hơn, do lực Côriôlit làm lệch hướng chuyển động nên giáng xuống ở khu vực khoảng 30<sup>0</sup>B và N, hình thành vành đai áp cao cận chí tuyến.</li> <li>- Ở cực: nhiệt độ không khí thấp, không khí co lại, hình thành áp cao cực.</li> <li>- Gió từ áp cao cận chí tuyến và từ áp cao cực thổi về gặp nhau ở khu vực ôn đới, thăng lên cao, hình thành áp thấp ôn đới.</li> </ul>	0,25
		0,50
		0,25
		0,25
		0,25
		0,25
b	<p><b>Tại sao chế độ nước của sông trên Trái Đất có sự khác nhau?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế độ nước sông chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau: chế độ mưa, băng tuyết và nước ngầm, địa thế, thực vật và hồ đầm...</li> </ul>	2,50
		0,50

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi nhân tố tác động khác nhau:</li> <li>+ Chế độ mưa: Ở vùng khí hậu nóng hoặc những nơi địa hình thấp của khí hậu ôn đới, nguồn tiếp nước chủ yếu là nước mưa, nên chế độ nước sông từng nơi phụ thuộc vào chế độ mưa nơi đó...</li> <li>+ Băng, tuyết: Ở miền ôn đới lạnh và miền núi cao, nước sông chủ yếu do băng tuyết tan cung cấp...</li> <li>+ Nước ngầm: Ở những nơi có đất đá thấm nước nhiều, nước ngầm có vai trò đáng kể trong việc điều hòa chế độ nước sông....</li> <li>+ Địa thế: Ở miền núi nước sông chảy nhanh hơn ở đồng bằng, sau mỗi trận mưa lớn nước dồn về các dòng sông suối...</li> <li>+ Thực vật: điều hòa dòng chảy cho sông ngòi, giảm lũ lụt....</li> <li>+ Hồ, đầm: có tác dụng điều hòa chế độ nước sông ...</li> </ul>	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mọi quan hệ của các nhân tố tác động đến chế độ nước sông khác nhau ở mỗi nơi (diễn giải)</li> </ul>	0,25 0,25 0,50
3		5,00
a	<b>Chứng minh sự khác nhau về cơ sở thức ăn đã dẫn đến sự khác nhau trong cơ cấu vật nuôi và hình thức chăn nuôi. Trình bày những khó khăn của các nước đang phát triển để phát triển chăn nuôi.</b>	2,50
	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Chứng minh:</li> <li>- Về cơ cấu vật nuôi: thức ăn phong phú, cơ cấu vật nuôi đa dạng; nơi có thiên nhiên trù phú, đồng cỏ xanh tốt vật nuôi phổ biến là bò; nơi thiên nhiên khắc nghiệt, đồng cỏ khô cằn thường phát triển cừu, dê, lạc đà; nơi đồng bằng phù sa màu mỡ, cây lương thực phát triển mạnh thường tập trung nuôi lợn, gia cầm...</li> <li>- Về hình thức chăn nuôi: đồng cỏ tự nhiên là cơ sở cho phát triển chăn nuôi theo hình thức chăn thả, thức ăn do người trồng là cơ sở cho chăn nuôi nửa chuồng trại và chuồng trại, thức ăn qua công nghiệp chế biến là cơ sở cho nuôi theo hình thức công nghiệp.</li> </ul>	0,50 0,50
	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Khó khăn của các nước đang phát triển để phát triển chăn nuôi:</li> <li>- Dân số đông nên vấn đề lương thực được quan tâm hàng đầu nên trồng trọt được chú trọng phát triển hơn...</li> <li>- Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi chưa vững chắc...</li> <li>- Cơ sở vật chất kĩ thuật cho chăn nuôi còn lạc hậu...</li> <li>- Các dịch vụ (thú y, giống...) còn hạn chế nên chất lượng chăn nuôi chưa cao, sản phẩm khó cạnh tranh...</li> <li>- Công nghiệp chế biến chưa thật phát triển nên chưa hỗ trợ nhiều cho phát triển chăn nuôi, cả về nguồn thức ăn cũng như chế biến sản phẩm...</li> <li>- Nhân tố khác: Hạn chế về nguồn vốn, lao động...</li> </ul>	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
b	<b>Phân tích sự khác nhau về tỉ lệ dân đô thị ở các nước phát triển và các nước đang phát triển. Giải thích tại sao tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở nhiều nước đang phát triển hiện nay vẫn còn cao.</b>	2,50
	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Phân tích:</li> <li>- Các nước phát triển cao (trên 70%) do tiến hành đô thị hoá sớm, đã hoàn thành đô thị hoá, trình độ đô thị hoá cao...</li> <li>- Các nước đang phát triển thấp (dưới 50%) do tiến hành đô thị hoá muộn, trình độ đô thị hoá thấp...</li> <li>- Một số nước đang phát triển có tỉ lệ dân thành thị cao do đã hoàn thành công</li> </ul>	0,25 0,25 0,25

- Các nước đang phát triển tăng nhanh hơn do đang đẩy nhanh quá trình đô thị hoá, đô thị hoá tự phát...  
 \* Giải thích:  
 - Về kinh tế:  
 + Trình độ phát triển kinh tế thấp nên không thể tạo ra nhiều việc làm...  
 + Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - ngư nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng, nông - lâm - ngư nghiệp mang tính thời vụ, không thể tạo ra nhiều việc làm...  
 + Quá trình Đô thị hóa chậm: khả năng tạo việc làm kém...  
 - Về người lao động:  
 + Quy mô dân số đông, tăng nhanh, hàng năm số người bước vào độ tuổi lao động nhiều, trong khi nền kinh tế còn kém phát triển, nên gây sức ép lớn....  
 + Tỷ lệ người qua đào tạo ít, 1 số ngành lao động không đáp ứng được yêu cầu, trong khi những ngành đòi hỏi lao động chất lượng thấp thừa lao động...  
 - Về xã hội: Việc đào tạo không theo nhu cầu xã hội: 1 số ngành thiếu lao động đào tạo ít trong khi ngành thừa lao động lại đào tạo nhiều...

0,25  
 0,75  
 0,50  
 0,25  
 4,00

4

a Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2000 - 2020.

2,00

\* Xử lý số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2020 (Đơn vị: %)

Năm	2000	2005	2010	2020
Tổng sản lượng	100	154,0	228,5	377,5
Khai thác	100	119,7	145,4	232,6
Nuôi trồng	100	250,7	462,4	785,3

0,50  
 40,25

\* Vẽ biểu đồ: Dạng đường (3 đường)

Yêu cầu: Chính xác, thẩm mỹ, có đầy đủ các yếu tố: tên biểu đồ, chú giải... (thiếu mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm)

1,50

b Nhận xét tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn trên. Tại sao ngành nuôi trồng thủy sản trên thế giới ngày càng phát triển?

2,00

\* Nhận xét:

- Nhìn chung đều tăng (dẫn chứng)
- Tốc độ tăng khác nhau
- + Sản lượng khai thác tăng chậm hơn (dẫn chứng)
- + Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn (dẫn chứng)

0,50  
 0,50

\* Giải thích:

- Vai trò lớn: cung cấp nguồn thực phẩm có giá trị, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nguồn hàng xuất khẩu, nhiều loài có giá trị kinh tế, là thực phẩm cao cấp và đặc sản (tôm, cua, cá, đồi mồi, trai ngọc, sò huyết, rong, tảo biển...).
- Nhu cầu thị trường lớn: Nhu cầu thị trường lớn, ngành khai thác gặp nhiều khó khăn (bảo vệ nguồn lợi, cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, đầu tư lớn...), khai thác không đáp ứng đủ nhu cầu...

0,25  
 0,25

- Tiềm năng phát triển nuôi trồng lớn: diện tích mặt nước, đầu tư....
- Việc phát triển nuôi trồng không quá phức tạp, khó khăn, tốn kém...

0,25

2 đ  
 113 đ